

Số: 09 /2010/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 2010

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về định mức phân bổ và định mức chi thường xuyên
ngân sách năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách
địa phương giai đoạn 2011-2015**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 26/TTr- UBND ngày 09 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về định mức phân bổ và định mức chi thường xuyên ngân sách năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương 2011- 2015, Báo cáo thẩm tra số 21/BC-KTNS₁₆ ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy định về định mức phân bổ và định mức chi thường xuyên ngân sách năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011-2015 (có Quy định kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2010./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Chánh, Phó VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT, CV.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Sáng Vang

QUY ĐỊNH

Về định mức phân bổ và định mức chi thường xuyên ngân sách năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011 - 2015

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2010/NQ – HĐND ngày 21/7/2010 của HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 14)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Định mức phân bổ và định mức chi thường xuyên năm 2011 và áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2011-2015 (sau đây gọi tắt là định mức phân bổ), bao gồm:

- Các khoản chi hoạt động thường xuyên trong cơ quan đơn vị (tiền điện, nước, văn phòng phẩm; tiền công tác phí; tiền chi đoàn ra, đoàn vào; tiền duy tu, sửa chữa trang thiết bị làm việc....);

- Tiền nâng lương, nâng ngạch của cán bộ, công chức hàng năm;

- Tiền chi khen thưởng theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Định mức phân bổ này không bao gồm:

- Tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, kinh phí Công đoàn) theo lương.

- Các khoản chi nghiệp vụ đặc thù, chi mua sắm trang phục ngành theo quy định, chi đầu tư mua sắm tài sản cố định, chi nâng cấp (cải tạo, sửa chữa lớn) cơ sở vật chất tài sản cố định.

3. Nhóm định mức phân bổ:

3.1. Nhóm định mức phân bổ chi cho các hoạt động thường xuyên, bao gồm: Tiền tăng lương theo ngạch, bậc và tiền thưởng hàng năm; các khoản chi hoạt động thường xuyên (chi tiền công tác phí, tiền trực, tiền làm đêm, thêm giờ, tiền văn phòng phẩm, tiền điện thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn); chi cho các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn của cơ quan, đơn vị; chi đón tiếp đoàn ra, đoàn vào trong nước; chi mua sắm, sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng định kỳ phương tiện, tài sản của cơ quan, đơn vị và chi cho các hoạt động thường xuyên khác.

3.2. Nhóm định mức phân bổ cho các hoạt động thường xuyên khác, bao gồm: Chi cho các hoạt động nghiệp vụ; chi duy tu, bảo dưỡng đường địa phương và hỗ trợ giao thông nông thôn từ nguồn sự nghiệp kinh tế; chi nghiệp vụ cho các hoạt động quản lý hành chính của các huyện, thành phố; chi cho các hoạt động nghiệp vụ sự nghiệp Văn hoá, Thể thao, du lịch và Phát thanh - Truyền hình các huyện, thành phố; chi hỗ trợ xăng xe và sửa chữa nhỏ cho phương tiện xe ô tô công; chi cho công tác Quốc phòng an ninh địa phương và nguồn dự phòng ngân sách địa phương.

* Nhóm định mức trên đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên.

II. ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ CHI CHO CÁC HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYỀN.

1. Định mức phân bổ dự toán chi cho sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo:

Số TT	Loại hình đơn vị dự toán	Đơn vị tính	Định mức
I	Định mức chi cho giáo viên	Tr.đ/biên chế/năm	
1	Các cơ sở Đào tạo, dạy nghề.	"	
	- Trường Cao đẳng Sư phạm; Trường Chính trị tỉnh; Trung tâm Giáo dục thường xuyên	"	12,0
	- Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị các huyện, thành phố; Trung tâm công nghệ thông tin.	"	10,0
	- Trường Trung học Y tế; Trường cao đẳng nghề; Trường Trung học Kinh tế - Kỹ thuật.	"	8,0
2	Các trường mầm non, phổ thông		
2.1	Các Trường Dân tộc nội trú (gồm: Trường THPT Dân tộc nội trú tỉnh và Trường Dân tộc nội trú các huyện)		
	- Từ biên chế thứ 01 đến biên chế thứ 20	"	6,0
	- Từ biên chế thứ 21 trở lên	"	5,0
2.2	Các trường mầm non, phổ thông		
2.2.1	Các trường mầm non, phổ thông huyện: Na Hang, Chiêm Hóa		
	- Từ biên chế thứ 01 đến biên chế thứ 20	"	6,0
	- Từ biên chế thứ 21 trở lên	"	4,5
2.2.2	Các trường mầm non, phổ thông huyện: Hàm Yên; Yên Sơn; Sơn Dương và Thành phố Tuyên Quang		
	- Từ biên chế thứ 01 đến biên chế thứ 20	"	5,5
	- Từ biên chế thứ 21 trở lên	"	4,0
II	Định mức chi đào tạo cho học sinh, sinh viên (không bao gồm chế độ học bổng)	Tr.đ/Học sinh/tháng học	
1	Học sinh hệ đào tạo Trường Cao đẳng Sư phạm; Trường Chính trị tỉnh và học viên tại các Trung tâm bồi dưỡng Chính trị các huyện, thành phố.	"	0,3
2	Học sinh các Trường Dân tộc nội trú	"	0,2

a) Định mức trên chưa bao gồm:

- Chi nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra, tổ chức thi các cấp của ngành giáo dục phổ thông;

- Chi trả các chế độ về công tác phổ cập giáo dục; chi chế độ học bổng cho học sinh Dân tộc nội trú; chi hỗ trợ học phí cho học sinh các đối tượng chính sách học nghề.

b) Chi từ nguồn thu học phí để lại theo quy định và chi từ nguồn thu phí dự thi, dự tuyển được quản lý và sử dụng theo quy định riêng.

2. Định mức phân bổ dự toán chi cho Sự nghiệp Y tế:

Số TT	Loại hình đơn vị dự toán	Đơn vị tính	Định mức
1	Phòng bệnh, phòng dịch	Tr.đồng/biên chế/năm	
a	Đơn vị cấp tỉnh	"	
	- Từ biên chế thứ 01 đến biên chế thứ 10	"	12,0
	- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	"	11,0
	- Từ biên chế thứ 21 trở lên	"	10,0
b	Trung tâm Y tế dự phòng các huyện và thành phố Tuyên Quang	"	
	- Các huyện: Na Hang; Chiêm Hoá	"	10,5
	- Các huyện: Hàm Yên; Yên Sơn; Sơn Dương và Thành phố Tuyên Quang	"	9,5
c	Trạm y tế xã, phường, thị trấn thuộc Trung tâm Y tế dự phòng các huyện, thành phố		
	- Tính theo định mức biên chế	Tr.đồng/biên chế/năm	
	+ Cách xa trung tâm huyện dưới 15 km	"	7,0
	+ Cách xa trung tâm huyện từ 15 km đến dưới 30 km	"	8,0
	+ Cách xa trung tâm huyện từ 30 km trở lên	"	9,0
	- Hệ số tăng thêm tính theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số	
	+ Xã loại 1		1,2
	+ Xã loại 2		1,1
	+ Xã loại 3		1,0
2	Chữa bệnh	Tr.đ/giường bệnh/năm	
a	Tuyên tỉnh	"	
	- Bệnh viện Đa khoa Tuyên quang	"	70,0
	- Bệnh viện Lao và bệnh phổi	"	57,0
	- Bệnh viện Y dược cổ truyền; Bệnh viện Điều dưỡng suối khoáng Mỹ Lâm	"	54,0
	- Trung tâm phục hồi chức năng Hương Sen	"	54,0

b	Tuyên huyện	"	
	- Huyện Na Hang	"	67,0
	- Huyện Chiêm Hoá	"	65,0
	- Các huyện: Yên Sơn, Hàm Yên, Sơn Dương	"	61,0

a) Riêng định mức chi cho giường bệnh đã bao gồm: nguồn chi lương, phụ cấp; chi tiền trực; các khoản đóng góp (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, kinh phí Công đoàn) theo mức lương tối thiểu và các khoản chi thường xuyên khác.

b) Định mức trên chưa bao gồm: Chi từ nguồn thu một phần viện phí được để lại theo quy định.

3. Định mức phân bổ dự toán chi cho lĩnh vực quản lý hành chính (quản lý Nhà nước, hoạt động thường xuyên của Đảng Cộng sản Việt Nam, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể) và định mức hỗ trợ chi hoạt động thường xuyên cho các tổ chức hội được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập:

Số TT	Loại hình đơn vị dự toán	Đơn vị tính	Định mức
1	Các đơn vị dự toán cấp tỉnh.		
a	Các đơn vị dự toán cấp I	Tr.đồng/biên chế/năm	
	- Từ biên chế thứ 01 đến biên chế thứ 10	"	16,0
	- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	"	14,0
	- Từ biên chế thứ 21 trở lên	"	12,0
b	Các đơn vị dự toán cấp II	"	
	- Từ biên chế thứ 01 đến biên chế thứ 10	"	14,0
	- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	"	13,0
	- Từ biên chế thứ 21 trở lên	"	11,0
c	Các hội được UBND tỉnh giao biên chế	"	
	- Từ biên chế thứ 01 đến biên chế thứ 10	"	13,0
	- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	"	12,0
	- Từ biên chế thứ 21 trở lên	"	11,0
d	Định mức hỗ trợ các tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp.	Tr.đồng/tổ chức hội/năm	
	- Cấp tỉnh	"	40,0
	- Cấp huyện	"	15,0

2	Các đơn vị dự toán cấp huyện, thành phố.		
	- Các huyện: Na Hang; Chiêm Hoá, Hàm Yên, Yên Sơn và Sơn Dương	Tr.đồng/biên chế/năm	13,0
	- Thành phố Tuyên Quang	"	11,0

* Hệ số áp dụng tính trên biên chế cho các đơn vị để đảm bảo thực hiện các hoạt động chuyên môn thường xuyên:

a) Các đơn vị dự toán cấp tỉnh:

- Hệ số 2,0: Áp dụng cho Văn phòng Tỉnh uỷ (bao gồm, Văn phòng Tỉnh uỷ và các Ban Đảng).

- Hệ số 1,7: Áp dụng cho Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (hệ số trên không bao gồm các đơn vị trực thuộc).

- Hệ số 1,5: Áp dụng cho Mặt trận Tổ quốc tỉnh và khối đoàn thể.

- Các đơn vị dự toán còn lại, trường hợp áp dụng định mức phân bổ nêu trên mà tổng số chi hoạt động thường xuyên năm 2011 thấp hơn tổng số chi hoạt động thường xuyên năm 2010 sau khi đã trừ tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương thì được bổ sung để đảm bảo không thấp hơn số chi hoạt động thường xuyên năm 2010. Các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nếu được UBND tỉnh giao nhiệm vụ sẽ được bổ sung kinh phí chi thường xuyên ngoài định mức phân bổ trên để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

b) Các đơn vị dự toán cấp huyện:

- Hệ số 2,0: Văn phòng Huyện uỷ, Thành uỷ.

- Hệ số 1,5: Áp dụng cho Văn phòng HĐND và UBND huyện, thành phố (hệ số trên không bao gồm các phòng, ban trực thuộc).

- Hệ số 1,3: Áp dụng cho Mặt trận Tổ quốc; khối đoàn thể.

- Hệ số 1,0: Áp dụng cho các đơn vị còn lại.

c) Các tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền cho phép thành lập ngoài mức hỗ trợ trên còn được ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Định mức phân bổ dự toán chi cho sự nghiệp Kinh tế, Văn hoá - Thể thao, Du lịch; Phát thanh - Truyền hình và các sự nghiệp khác:

Số TT	Loại hình đơn vị dự toán	Đơn vị tính	Định mức
1	Các đơn vị dự toán cấp tỉnh	Tr.đồng/Biên chế/năm	
a	Đơn vị Cấp I		

	- Từ biên chế thứ 01 đến biên chế thứ 10	"	13,0
	- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	"	11,0
	- Từ biên chế thứ 21 trở lên	"	10,0
b	Đơn vị Cấp II.		
	- Từ biên chế thứ 01 đến biên chế thứ 10	"	11,0
	- Từ biên chế thứ 11 đến biên chế thứ 20	"	10,0
	- Từ biên chế thứ 21 trở lên	"	9,0
2	Các đơn vị dự toán cấp huyện, thành phố		
	- Huyện Na Hang và Chiêm Hoá	"	11,0
	- Huyện Yên Sơn, Sơn Dương	"	10,0
	- Huyện Hàm Yên và Thành phố Tuyên Quang.	"	9,0

a) Định mức phân bổ cho Sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình đã bao gồm: Tiền trực; tiền làm đêm, thêm giờ; tiền điện thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn.

b) Định mức phân bổ trên chưa bao gồm: Kinh phí chi trả tiền nhuận bút; kinh phí thuê kênh truyền tín hiệu đi các huyện, thành phố; kinh phí mua bản quyền phim và bản quyền vui chơi giải trí; kinh phí thực hiện phát sóng tiếng dân tộc, tiền sửa chữa và tiền điện cho thiết bị phát sóng các chương trình.

5. Định mức phân bổ chi cho các hoạt động khối xã, phường, thị trấn (gọi chung là các xã):

5.1. Các xã cách trung tâm huyện dưới 15 km: 120 triệu đồng/năm.

5.2. Các xã cách trung tâm huyện từ 15 km đến dưới 30 km: 140 triệu đồng/năm.

5.3. Các xã cách trung tâm huyện từ 30 km trở lên: 160 triệu đồng/năm.

a) Định mức trên đã bao gồm: Chi tổ chức các kỳ họp, hoạt động của cấp Ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã; chi hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể; chi các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, phát thanh và các hoạt động thường xuyên khác.

b) Định mức trên chưa bao gồm:

- Chi hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã, phường, thị trấn tính theo mức 1,0 triệu đồng/đại biểu/năm;

- Định mức chi cho hoạt động thường xuyên của thôn, bản, tổ dân phố (mức 1,5 triệu đồng/thôn/năm);

- Định mức chi hoạt động công tác đảng của tổ chức đảng các cấp theo Quyết định số 84-QĐ-TW ngày 01/10/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

c) Hệ số tăng thêm theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã

- Xã loại 1 được nhân thêm hệ số: 1,2.

- Xã loại 2 được nhân thêm hệ số: 1,1.

- Xã loại 3 áp dụng hệ số : 1,0.

III. ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VÀ MỨC HỖ TRỢ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYỀN KHÁC:

1. Định mức phân bổ chi duy tu, bảo dưỡng đường địa phương và hỗ trợ giao thông nông thôn từ nguồn sự nghiệp kinh tế:

a) Định mức phân bổ chi duy tu, bảo dưỡng đường địa phương.

- Đường liên tỉnh : 18,0 triệu đồng/km.

- Đường đô thị : 15,0 triệu đồng/km.

- Đường liên huyện : 13,5 triệu đồng/km.

b) Định mức phân bổ kinh phí hỗ trợ giao thông nông thôn: 15,0 triệu đồng/xã, phường, thị trấn.

2. Mức hỗ trợ chi nghiệp vụ cho các hoạt động quản lý hành chính cấp huyện (gồm huyện, thành phố):

a) Định mức hỗ trợ chi nghiệp vụ cho Văn phòng cấp uỷ, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.

* Tổng mức hỗ trợ hàng năm : 2.000,0 triệu đồng/năm

Trong đó:

- Văn phòng cấp uỷ : 800,0 triệu đồng/năm

- Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện : 1.200,0 triệu đồng/năm

* Riêng huyện Na Hang và huyện Sơn Dương mỗi Văn phòng được hỗ trợ thêm 100,0 triệu đồng/năm để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù.

* Mức hỗ trợ trên đã bao gồm các nội dung chi theo hướng dẫn của Văn phòng cấp uỷ; các nội dung chi cho các hoạt động của Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện theo Nghị quyết HĐND tỉnh và các hoạt động nghiệp vụ của các phòng, ban trực thuộc UBND cấp huyện.

b) Mức hỗ trợ chi nghiệp vụ cho các cơ quan chuyên môn thuộc cấp huyện:

- Thành phố Tuyên Quang : 160,0 triệu đồng/năm

- Các huyện : 200,0 triệu đồng/năm

3. Mức hỗ trợ chi cho các hoạt động nghiệp vụ thuộc sự nghiệp Văn hoá, Thể thao, du lịch cấp huyện:

a) Các huyện : 300,0 triệu đồng/năm

b) Thành phố Tuyên Quang : 450,0 triệu đồng/năm

* Định mức trên bao gồm: Chi tổ chức các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch hàng năm cấp huyện, cấp xã.

4. Định mức phân bổ chi khác cho các hoạt động đảm bảo xã hội cấp huyện:

a) Định mức phân bổ tính trên đầu đơn vị xã, phường, thị trấn:

- Theo đơn vị xã vùng đặc biệt khó khăn : 20,0 triệu đồng/năm

- Theo đơn vị phường, thị trấn : 15,0 triệu đồng/năm

- Theo đơn vị xã còn lại : 12,0 triệu đồng/năm

b) Định mức phân bổ trên bao gồm: Chi trợ cấp đột xuất cho các đối tượng lang thang cơ nhỡ; Chi cứu đói giáp hạt và chi cho các hoạt động đảm bảo xã hội khác của địa phương.

c) Định mức phân bổ trên chưa bao gồm: Chi cho các đối tượng bảo trợ xã hội; chi hỗ trợ cho các trung tâm cai nghiện.

5. Định mức phân bổ chi lập Quỹ thi đua khen thưởng các cấp.

a) Cấp tỉnh: Hàng năm, căn cứ tình hình thực tế và nguồn Quỹ thi đua khen thưởng của tỉnh, Ban thi đua khen thưởng tỉnh lập kế hoạch sử dụng Quỹ gửi Sở Tài chính, trình UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán chi lập Quỹ thi đua khen thưởng theo quy định.

b) Cấp huyện:

- Theo biên chế giáo viên các cấp : 0,2 triệu đồng/biên chế/năm

- Theo biên chế hành chính sự nghiệp khác : 0,4 triệu đồng/biên chế/năm

* Riêng khối Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội việc trích lập Quỹ thi đua khen thưởng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

c) Cấp xã:

- Theo biên chế cán bộ cấp xã: 0,5 triệu đồng/biên chế/năm.

- Theo số thôn, bản, tổ dân phố: 1,0 triệu đồng/thôn/năm.

6. Mức chi hỗ trợ xăng xe:

a) Đơn vị dự toán cấp tỉnh : 50,0 triệu đồng/01 xe/năm

b) Đơn vị dự toán các huyện : 50,0 triệu đồng/01 xe/năm

c) Đơn vị thuộc Thành phố Tuyên Quang : 30,0 triệu đồng/01 xe/năm

7. Định mức phân bổ chi cho công tác Quốc phòng, An ninh địa phương:

a) Nguyên tắc: Căn cứ vào nguồn kinh phí chi cho công tác quốc phòng, an ninh năm đầu thời kỳ ổn định do Bộ Tài chính giao, Sở Tài chính thống nhất với Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và Công an tỉnh dự toán kinh phí chi cho công tác quốc phòng, an ninh cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, phường, thị trấn theo các nhiệm vụ cụ thể thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Nguồn kinh phí chi cho công tác quốc phòng, an ninh do Bộ Tài chính giao, bao gồm: Chi phụ cấp dân quân; chi cho công tác huấn luyện dân quân, tự vệ; chi huấn luyện quân dự bị động viên; chi hỗ trợ đảm bảo công tác an ninh, quốc phòng địa phương; chi mua sắm trang phục dân quân, tự vệ và Công an viên theo Pháp lệnh Dân quân tự vệ và Pháp lệnh Công an xã.

b) Mức phân bổ chi cho công tác an ninh, quốc phòng địa phương năm đầu thời kỳ ổn định tối đa không vượt quá mức Bộ Tài chính giao thời kỳ ổn định. Mức phân bổ chi cho các năm tiếp theo được bổ sung tăng theo tốc độ tăng thu của năm kế hoạch.

8. Định mức phân bổ dự phòng ngân sách địa phương:

a) Tỷ lệ phần trăm (%) chi dự phòng ngân sách các cấp chính quyền địa phương được xác định, như sau:

- Đối với ngân sách cấp tỉnh: Từ 3% đến 4% trên tổng số chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh.

- Đối với ngân sách cấp huyện: Từ 2% đến 3% trên tổng số chi thường xuyên ngân sách huyện, thành phố năm đầu của thời kỳ ổn định (không bao gồm ngân sách xã, phường, thị trấn).

- Đối với ngân sách cấp xã: Bằng 3% trên tổng số chi thường xuyên ngân sách xã, phường, thị trấn năm đầu của thời kỳ ổn định.

b) Tổng nguồn dự phòng ngân sách địa phương tối thiểu không thấp hơn tổng nguồn dự phòng Chính phủ giao hàng năm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Dự toán chi ngân sách hàng năm trong thời kỳ ổn định ngân sách của các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thành phố được điều chỉnh, bổ sung hàng năm về tiền lương và các khoản đóng góp tăng thêm theo lộ trình cải cách tiền lương của Chính phủ.

2. Định mức này được thực hiện từ năm ngân sách 2011.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYẾN QUANG
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 14**